

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX-SAIGON
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2012-2013
Ngày 26 tháng 4 năm 2013

TỜ TRÌNH
V/v sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Căn cứ:

- Nghị Quyết của Quốc hội nước CHXHCN Việt nam số 71/2006/QH11 ngày 29/11/2006;
- Điều lệ của Công ty CP Transimex-Saigon được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/6/2012;
- Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng kèm theo Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng từ kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013;
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 11/4/2013.

Hội đồng Quản trị kính kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012-2013 thông qua việc chỉnh sửa nội dung điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Transimex-Saigon phù hợp với Điều lệ mẫu mới theo quy định của Bộ tài chính.

Một số nội dung thay đổi theo điều lệ mẫu như sau:

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (QD 15/2007/QĐ-BTC)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ THEO ĐIỀU LỆ MẪU (TT121/2012/TT-BTC)
1.	<p>Điều 5. Vốn Điều lệ, Cổ phần.</p> <p>Khoản 1: Vào ngày thông qua Điều lệ này, tất cả các Cổ phần do Công ty phát hành đều là Cổ phần phổ thông.</p> <p>Khoản 5: Khi có quyết định về việc phát hành Cổ phần mới, Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông mà từng Cổ đông sở hữu trong Công ty vào thời điểm phát hành Cổ phần mới, trừ trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông có quy định khác như Cổ phần để trả cổ tức, để thưởng cho người lao động trong Công ty, hoặc phát hành riêng lẻ cho các Cổ đông chiến lược ...v.v.</p> <p>Công ty sẽ gửi thông báo và mẫu đăng ký mua Cổ phần đến địa chỉ đăng ký của Cổ đông trong Sổ Đăng ký Cổ đông và công bố việc phát hành Cổ phần mới này theo quy định của Pháp luật, trong đó nêu rõ số Cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ thời điểm thông báo, để Cổ đông đăng ký mua.</p> <p>Thông báo này phải có ít nhất các nội dung sau:trừ trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp Cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>Khoản 6: “ Việc thanh toán tiền mua Cổ phần sau khi đã được Hội đồng Quản trị chấp thuận và phải được thanh toán đủ một lần.</p>	<p>Điều 5. Vốn Điều lệ, Cổ phần.</p> <p>Khoản 1: Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>Khoản 5: Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>Bỏ khoản 6</p>

<p>2.</p>	<p>Điều 6. Cổ phiếu</p> <p>Khoản 1: Cổ đông sẽ được cấp Cổ phiếu tương ứng với số Cổ phần và loại Cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Điều 6.7</p> <p>Khoản 2: “Cổ phiếu phát hành được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: Nếu Cổ đông sở hữu hơn một loại Cổ phần thì Cổ đông sẽ được cấp Cổ phiếu riêng cho từng loại Cổ phần.”</p> <p>Khoản 3. Trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu Cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành Cổ phiếu của Công ty, nếu có, quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua Cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành Cổ phiếu của Công ty, các thông tin của người sở hữu Cổ phần sẽ được ghi vào Sổ Đăng ký Cổ đông và người đó sẽ được cấp miễn phí Cổ phiếu liên quan đến số và loại Cổ phần mà người đó sở hữu trong vòng 02 (hai) tháng sau khi mua hoặc chuyển nhượng.</p> <p>Khoản 4: Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số Cổ phần ghi danh trong một Cổ phiếu ghi danh thì Cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và một Cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí cho người chuyển nhượng.</p> <p>Khoản 5: Nếu một Cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, Công ty sẽ cấp một Cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ phần tương ứng cho người nắm giữ Cổ phiếu đó theo yêu cầu của người đó, với điều kiện là người đó phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu Cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc cấp mới Cổ phiếu cho Công ty.</p> <p>Khoản 6: “Người sở hữu Cổ phiếu vô danh Cổ phiếu này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo”</p> <p>Khoản 7: “Công ty có thể phát hành Cổ phần ghi danh mà không trao Cổ phiếu. theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ này.”</p>	<p>Điều 6. Chứng nhận Cổ phiếu</p> <p>Khoản 1: Cổ đông của Công ty được cấp <i>chứng nhận</i> cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>Khoản 2: <i>Chứng nhận</i> cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. <i>Chứng nhận</i> cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Khoản 3. Trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, <i>người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu</i>. <i>Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu</i>.</p> <p>Bỏ khoản 4</p> <p>Khoản 4: Trường hợp <i>chứng nhận cổ phiếu</i> bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp <i>chứng nhận cổ phiếu</i> mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>Bỏ khoản 6</p> <p>Bỏ khoản 7</p>
<p>3.</p>	<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, <i>trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác</i>.</p>	<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>
<p>4.</p>	<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>Khoản 1: Tất cả các Cổ phần phổ thông đều được tự</p>	<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>Khoản 1: Tất cả các cổ phần được tự do chuyển</p>

	<p>do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật.</p> <p>Khoản 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.</p> <p>Khoản 3: “Khi một Cổ đông bị chết.....”</p> <p>Khoản 4. “Các giao dịch liên quan đến Cổ phiếu của các thành viên Hội đồng Quản trị, ...”</p>	<p>nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>Khoản 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p> <p>Bỏ khoản 3</p> <p>Bỏ khoản 4</p>
5.	<p>Điều 9. Thu hồi Cổ phần</p> <p>Khoản 4: “Một Cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty...”</p>	<p>Điều 9. Thu hồi Cổ phần</p> <p>Khoản 4: “Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán.”</p>
6.	<p>Điều 10. Cơ cấu Tổ chức Quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p> <p>a) Đại Hội đồng Cổ đông; b) Hội đồng Quản trị; c) Tổng Giám đốc; và d) Ban Kiểm soát.</p>	<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc điều hành.
7.	Điều 11. Cổ đông	Bỏ Điều 11
8.	Điều 12. Người Đại diện theo Ủy quyền của Cổ đông Tổ chức	Bỏ Điều 12
9.	<p>Điều 13. Quyền của cổ đông</p> <p>Khoản 1: Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số Cổ phần và loại Cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ khác của Công ty trong phạm vi số Cổ phần thuộc quyền sở hữu của họ trong Công ty.</p> <p>Khoản 2: Người nắm giữ Cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a) Tham gia các cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Mỗi Cổ phần có một phiếu biểu quyết;</p> <p>f) Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại Hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>Khoản 3:</p> <p>b) Yêu cầu triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông trong những trường hợp sau:</p> <p>“Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng các quyền của Cổ đông, Đính kèm theo yêu cầu trên phải</p>	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>Khoản 1: Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>Khoản 2: Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>f) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>Khoản 3:</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy</p>

	<p>bao gồm các tài liệu hoặc chứng cứ về sự vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.”</p> <p>c) Kiểm tra và được <i>yêu cầu nhận bản sao hoặc xem danh sách các Cổ đông</i> có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại Hội đồng Cổ đông;</p>	<p>định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Kiểm tra và <i>nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông</i> có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p>
10.	Điều 14. Nghĩa vụ của Cổ đông	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Bổ sung: Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</p>
11.	<p>Điều 15. Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>Khoản 2: Hội đồng Quản trị triệu tập và tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên tại một địa điểm phù hợp nằm trong lãnh thổ Việt Nam do Hội đồng quản trị chọn lựa tùy từng thời điểm. Đại Hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng Cổ đông thường niên sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>Điểm b, Khoản 3: Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy <i>Vốn Điều lệ bị giảm sút hơn 50% (năm mươi phần trăm)</i>;</p> <p>Điểm c, Khoản 3: Khi số Thành viên ít hơn số thành viên mà Pháp luật quy định hoặc <i>bị khuyết 1/3 (một phần ba) số thành viên được quy định trong Điều lệ</i>;</p> <p>Điểm a, Khoản 4: Hội đồng Quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số Thành viên còn lại như quy định tại Điều 15.3(c) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 15.3(d) và Điều 15.3(e) nêu trên. Nếu Hội đồng Quản trị không triệu tập được cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông như quy định trên, thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và sẽ bồi thường cho Công ty bất kỳ khoản thiệt hại nào gây ra cho Công ty;</p> <p>Điểm b Khoản 4: “Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 15.4(a)...”</p> <p>Điểm c Khoản 4: “Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo quy định tại Điều 15.4(b) trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại Điều</p>	<p>Điều 13. Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>Khoản 2: Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập <i>có thể</i> được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p> <p>Điểm b, Khoản 3: Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh <i>vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ</i>;</p> <p>Điểm c, Khoản 3: Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc <i>ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ</i>;</p> <p>Điểm a, Khoản 4: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13;</p> <p>Điểm b Khoản 4: “Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <i>Điều 13.4(a)</i>...”</p> <p>Điểm c Khoản 4: “Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <i>Điều 13.4(b)</i> thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này...”</p>

	<p>15.3(d) ...”</p> <p>Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông có quyền đề nghị Cơ quan Nhà nước giám sát việc triệu tập và tiến hành cuộc họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>d) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu trong thời gian tham dự Đại Hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền <i>đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập</i>, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>
<p>12.</p>	<p>Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>Khoản 2: Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường thông qua các quyết định <i>bằng văn bản</i> về các vấn đề sau:</p> <p>Điểm e, khoản 2: Bầu, bãi miễn hoặc thay thế Thành viên và thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>Điểm g, khoản 2: Tổng số tiền thù lao, sinh hoạt phí của các Thành viên, Ban Kiểm soát và thông qua báo cáo chi tiết hàng năm;</p> <p>Điểm a, Khoản 3: Các hợp đồng quy định tại Điều 16.2 khi Cổ đông đó hoặc Những Người có Liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>Điểm b, khoản 3: Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ Những Người có Liên quan đến Cổ đông đó.</p> <p>Khoản 4: Các nghị quyết của và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại Hội đồng Cổ đông.</p>	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>Khoản 2: Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>Điểm e, khoản 2: Bầu, <i>miễn nhiệm, bãi nhiệm</i> và thay thế thành viên và Ban kiểm soát;</p> <p>Điểm g, khoản 2: Tổng số tiền thù lao của các thành viên và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>Điểm a, Khoản 3: Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 14.1 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>Điểm b, khoản 3: Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được <i>thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</i></p> <p>Khoản 4: <i>Tất cả</i> các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>13.</p>	<p>Điều 17. Các Đại diện Được Ủy quyền</p> <p>Tuy nhiên, Điều 17.4 sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>
<p>14.</p>	<p>Điều 18. Thay đổi các quyền</p> <p>Khoản 1: Các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại Cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ</p>	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>Khoản 1: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực <i>khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua</i></p>

	ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của các Cổ phần đã phát hành của loại đó.	đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
15.	<p>Điều 19. Triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông, Chương trình Họp và Thông báo Họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>Khoản 1: Hội đồng Quản trị triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông, hoặc Đại Hội đồng Cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 15.4(b) hoặc 15.4(c).</p> <p>Điểm b, Khoản 2: Chuẩn bị một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội Đồng Cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trước ngày dự kiến khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông; chương trình họp và các tài liệu cần thiết cho các vấn đề được thảo luận trong cuộc họp theo quy định của Pháp luật và của Công ty;</p> <p>Khoản 4: “Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Điều 13.3 của Điều lệ này...”</p> <p>Khoản 5: “Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 19.4 nếu...”</p> <p>Điểm b, khoản 5: Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông và nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên;</p>	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 1: Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều <i>Điều 13.4(b)</i> hoặc <i>Điều 13.4(c)</i> Điều lệ này.</p> <p>Điểm b, Khoản 2: Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <i>chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông;</i> chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>Khoản 4: “Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại <i>Điều 11.3</i> của Điều lệ này...”</p> <p>Khoản 5: “Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến <i>Điều 17.4</i> nếu...”</p> <p>Điểm b, khoản 5: Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng <i>theo quy định tại Điều 11.3 Điều lệ này;</i></p> <p><i>Bổ sung điểm d, khoản 5: Các trường hợp khác.</i></p>
16.	<p>Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 4: Theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp, Đại Hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 19.3 của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Bổ khoản 4</p>
17.	<p>Điều 21. Thể thức Tiến hành Họp và Biểu quyết Tại Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>Khoản 2: “...Đại hội đồng Cổ đông sẽ chọn trong số những Cổ đông hoặc Người Đại diện theo Ủy quyền hay người đại diện dự họp của Cổ đông những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát việc kiểm phiếu. Nếu Đại hội đồng Cổ đông không làm như thế, chủ tọa của cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông sẽ chọn những người này. Trong bất kỳ trường hợp nào, các thành viên của ban kiểm phiếu sẽ không vượt quá ba (03) người.”</p> <p>Khoản 4: Đại Hội đồng Cổ đông sẽ do Chủ tịch chủ trì. <i>Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch hoặc là người được Đại Hội đồng Cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp đột xuất không có ai trong số họ</i></p>	<p>Điều 19. Thể thức Tiến hành Họp và Biểu quyết Tại Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>Khoản 2: “.....Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Khoản 4: Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. <i>Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc</i></p>

	<p><i>có mặt để chủ trì cuộc họp</i>, Thành viên chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra chủ tọa của Đại Hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không nhất thiết phải là Thành viên. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc chủ tọa được Đại Hội đồng Cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Trường hợp bầu chủ tọa, thì tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.</p> <p>Khoản 5: Quyết định của chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phân quyết cao nhất.</p> <p>Khoản 6: Chủ tọa Đại Hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp cuộc họp ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại Hội đồng Cổ đông nếu nhận thấy rằng:</p> <p>(a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp; (b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp; (c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có thể hoãn cuộc họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại Hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp. Cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông được triệu tập lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.</p> <p>Khoản 7: “Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại Hội đồng bị ảnh hưởng.”</p> <p>Khoản 10: Hội đồng Quản trị sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại Hội đồng Cổ đông;</p>	<p>họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p><i>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</i></p> <p>Khoản 5: Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Khoản 6: Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p> <p>Bổ khoản 7</p> <p>Khoản 9: Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a. <i>Bổ trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p>
<p>18.</p>	<p>Điều 22. Thông qua Quyết định Tại Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>Khoản 1: Trừ trường hợp quy định tại Điều 22.2</p> <p>Điểm C, khoản 1: Bầu, bãi miễn và thay thế Thành viên, thành viên Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>Khoản 2: Các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có sự chấp thuận của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Đại diện theo Ủy quyền hay người đại diện dự họp của Cổ đông đó đại diện từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu các thành viên có mặt tại Đại Hội đồng Cổ đông: (a) Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ; (b) Loại</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trừ trường hợp quy định tại Điều 20.2</p> <p>Điểm C, khoản 1: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>Khoản 2: Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính</p>

	<p>Cổ phiếu và số lượng Cổ phiếu được chào bán; (c) Sáp nhập, tổ chức lại và giải thể Công ty; (d) Giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh tính theo báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất.</p>	<p>theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>
19.	<p>Điều 23. Thẩm quyền và Thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để Thông qua Quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.</p> <p>Khoản 2: Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú của Cổ đông cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông tổ chức được đăng ký trong Sổ Đăng ký Cổ đông hoặc một địa chỉ khác do Cổ đông thông báo Công ty để nhận tài liệu do Công ty gửi.</p> <p>Khoản 6: Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 2: Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. <i>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</i></p> <p>Khoản 6: Biên bản kiểm phiếu <i>phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</i></p>
20.	<p>Điều 24. Biên bản Họp Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại Hội đồng Cổ đông hoặc người được người chủ trì Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông và gửi biên bản cho các Cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày khi Đại Hội đồng Cổ đông kết thúc.</p>	<p>Điều 22. Biên bản Họp Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông <i>phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc</i></p>
21.	<p>Điều 25: Yêu cầu Hủy bỏ Quyết định Của Đại Hội đồng Cổ đông</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Quy định bổ sung: <i>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</i></p>
22.	<p>Điều 26. Tiêu chuẩn, Điều kiện, Thành phần và Nhiệm kỳ của Thành viên</p>	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên</p>

Phương thức đề cử ứng viên đề bầu vào Hội đồng Quản trị được thực hiện như sau:

Khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên sở hữu: (theo Nghị định 139/2007/NĐ-CP, ngày 5/9/2007: Từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; Từ 20% (hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; Từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) tổng số cổ phần được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; Từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên. Từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) tổng số cổ phần được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên. Từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên.

Điểm b, khoản 3: Danh sách và các thông tin liên quan đến các ứng viên sẽ được tập hợp và công bố trên trang web của Công ty trước ngày triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông ít nhất là 03 (ba) ngày để Cổ đông có thể tìm hiểu và quyết định trước khi bỏ phiếu. Cổ đông ứng cử hoặc được đề cử tại cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông sẽ không được công nhận là hợp lệ.

Khoản 6: Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Thành viên mới để thay thế chỗ trống phát sinh và Thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tổ chức gần nhất. Sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm Thành viên mới được xem là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

Khoản 7: Việc bổ nhiệm các Thành viên phải được

Khoản 3: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. *Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.*

Điểm b, khoản 3:

Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu 07 (bảy) ngày trước ngày triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Cổ đông ứng cử hoặc được đề cử tại cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông sẽ không được công nhận là hợp lệ. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị bao gồm: Họ tên, ngày tháng năm sinh; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Tên các công ty mà ứng viên đang nắm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; Các lợi ích liên quan đến công ty (nếu có); các thông tin khác (nếu có)

Khoản 6: Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Khoản 7: Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo

	<i>thông báo</i> theo các quy định của Pháp luật.	các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
23.	<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Điểm d, khoản 3: Bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các Cán bộ Quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc; Quyết định mức lương, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc và các Cán bộ Quản lý;</p> <p>Điểm i, khoản 3: Quyết định giá chào bán trái phiếu, Cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>Khoản 8: Tổng số tiền trả thù lao, sinh hoạt phí cho các Thành viên phải được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Điểm d, khoản 3: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. <i>Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</i></p> <p>Bổ sung điểm e: Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;</p> <p>Điểm i, khoản 3: Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;</p> <p>Khoản 8: Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, <i>chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp</i> phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>
24.	Điều 28. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	Bổ điều 28
25.	<p>Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch</p> <p>Khoản 1: Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các Thành viên để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch.</p> <p>Khoản 2: Chủ tịch phải triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Khoản 4: Khi cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Chủ tịch và Phó Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi nhiệm.</p>	<p>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch</p> <p>Khoản 1: “Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch....”</p> <p>Khoản 2: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Khoản 4: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>
26.	<p>Điều 30. Các Cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>Khoản 1: Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. <i>Cuộc họp này do Chủ</i></p>	<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 1: Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. <i>Cuộc họp này do thành viên có</i></p>

tịch nhiệm kỳ cũ triệu tập.

Khoản 2: Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

Khoản 3: Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Cán bộ Quản lý;
- b) Hai Thành viên;
- c) Chủ tịch;
- d) Hai thành viên trong Ban Kiểm soát.

Khoản 4: Cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường nêu trên phải được tiến hành trong vòng 15 (mười lăm) ngày sau khi có đề xuất họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị, những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 30.3 này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

Khoản 8: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua nghị quyết khi :

- a) Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) số Thành viên trở lên dự họp.
- b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo qui định lần thứ nhất điều này không đủ số thành viên dự họp theo qui định, thì được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Khoản 14: Biên bản cuộc họp: Chủ tịch có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng Quản trị cho các Thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi biên bản đó được chuyển đi chuyên đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và được ký tên xác nhận bởi tất cả các

số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Khoản 2: “Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất *năm (05) ngày* trước ngày họp dự kiến...”

Khoản 3: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. *Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;*
- b. *Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;*
- c. *Ban kiểm soát.*

Khoản 4: Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Điều 27.3 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 27.3 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Khoản 8: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Khoản 14: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp *hoặc Biên bản*

	Thành viên tham dự cuộc họp.	<i>được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</i>
27.	<p>Điều 33. Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và Quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>Khoản 5: Bãi nhiệm: Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có ít nhất 51% (năm một) số Thành viên biểu quyết tán thành (không kể phiếu biểu quyết của Thành viên là Tổng Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại Hội đồng Cổ đông tiếp theo gần nhất.</p>	<p>Điều 30. Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và Quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>Khoản 6: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.</p>
28.	CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT
29.	<p>Điều 38. Thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>Điểm b, khoản 1: Số lượng thành viên của Ban Kiểm soát là 03 (ba) người. Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán - tài chính và thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán hoặc tài chính của Công ty và cũng không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p><i>Trưởng Ban Kiểm soát do các thành viên Ban Kiểm soát bầu phải là Cổ đông của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát sẽ có các quyền và trách nhiệm sau đây:</i></p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là trưởng Ban Kiểm soát;</p> <p>b) <i>Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;</i></p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại Hội đồng Cổ đông.</p> <p>Khoản 2: Việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như sau:</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát do đại hội cổ đông bầu theo phương thức dồn phiếu theo Điều 22.3 và 26.3 của Điều lệ này. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm, có thể tái ứng cử và được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Điều 32. Thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>Điểm b, khoản 1: Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p><i>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</i></p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. <i>Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</i></p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Khoản 2: Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>Khoản 3: Trường hợp số lượng các ứng viên</p>

		<p>Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>Khoản 4: Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>
30.	<p>Điều 39. Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 3: Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về quy trình họp và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát họp ít nhất là 02 (hai) lần trong một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người.</p> <p>Khoản 4: Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ không vượt mức quy định được Đại hội đồng Cổ đông duyệt hàng năm. Mức thù lao này có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Điều 33. Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 3: Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p> <p>Khoản 4: Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>
31.	CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	CHƯƠNG X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC
32.	<p>Điều 35. Trách nhiệm Căn trọng của Thành viên, Tổng Giám đốc và Cán bộ Quản lý</p> <p>Thành viên, Tổng Giám đốc và Cán bộ Quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty, và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>Điều 34. Trách nhiệm Căn trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>
33.	<p>Điều 36. Trách nhiệm Trung thực và Tránh Các Xung đột về Quyền lợi</p> <p>Khoản 2: Thành viên, Tổng Giám đốc và Cán bộ Quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân</p>	<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Khoản 2: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung</p>

	<p>kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này và Những Người có Liên quan của họ chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các Thành viên không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>Khoản 5: Không một Thành viên, Tổng Giám đốc, một Cán bộ Quản lý hay Những Người có Liên quan nào của họ, được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các Cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin nội bộ chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những Cổ phiếu đó mà các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</p>	<p>đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>Khoản 5: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>
<p>34.</p>	<p>Điều 37. Trách nhiệm về Thiệt hại và Bồi thường</p> <p>Khoản 2: Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là Thành viên, Cán bộ Quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách là Thành viên, Cán bộ Quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác.</p> <p>Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn và theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>Khoản 2: Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình. <p>Khoản 3: Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để</p>

		tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.
35.	Điều 40. Quyền Điều tra Sổ sách và Hồ sơ	Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ
36.	<p>Điều 41. Công Nhân viên và Công đoàn</p> <p>Tổng Giám đốc lập kế hoạch và trình lên Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, hợp đồng lao động, buộc thôi việc, quy chế trả lương, trả thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khen thưởng và kỷ luật ... đối với Cán bộ Quản lý và người lao động, phù hợp với các quy định của Pháp luật, cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và Pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 38. Công nhân viên và công đoàn</p> <p><i>Khoản 1:</i> Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.</p> <p><i>Khoản 2:</i> Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>
37.	Điều 42. Cổ tức	Điều 39. Phân phối lợi nhuận
38.	<p>Điều 47. Hệ thống Kế toán</p> <p><i>Khoản 1:</i> Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS). Công ty có thể chọn hệ thống nào mà Công ty thấy phù hợp và được Bộ Tài chính chấp thuận.</p>	Điều 43. Chế độ kế toán
39.	<p>Điều 48. Báo cáo Hàng năm, Sáu tháng và Hàng quý</p> <p><i>Khoản 1:</i> Công ty phải hoàn tất báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp luật và các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50. Trong thời hạn 100 (một trăm) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán và đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua cho các Cơ quan Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán.</p>	<p>Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p><i>Khoản 1:</i> Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>
40.	<p>Điều 49. Công bố Thông tin và Thông báo Ra Công chúng</p> <p>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, và được nộp cho Cơ quan Nhà nước theo quy định của Pháp luật.</p>	Điều 45. Báo cáo thường niên
41.	<p>Điều 50. Kiểm toán</p> <p><i>Khoản 1:</i> Tại Đại Hội đồng Cổ đông hàng năm, công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp</p>	<p>Điều 46. Kiểm toán</p> <p><i>Khoản 1:</i> Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc</p>

tại Việt Nam và có đủ các tiêu chuẩn được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận để thực hiện việc kiểm toán đối với các công ty niêm yết, sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo, dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.	thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
---	--

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Bùi Tuấn Ngọc